

## DS-2SGT6426MGT-EBLW

### Camera PTZ 42x Tandemvu 4 MP PTZ lens, 6MP bullet



- Bao quát một khu vực rộng lớn với các chi tiết tuyệt vời cùng thời điểm
- Kênh bullet với độ phân giải 6 MP cho hình ảnh chất lượng cao
- Công nghệ DarkFighter trong môi trường ánh sáng yếu cho hình ảnh có màu 24/7
- Độ nghiêng kênh toàn cảnh có thể điều chỉnh từ 12° đến 24°
- Đảm bảo bao quát một khu vực rộng lớn với khả năng zoom quang 42X và zoom số 16X
- Chế độ xem ban đêm mở rộng với ánh sáng trắng lên tới 30m và hồng ngoại 300m
- Hỗ trợ các chức năng Deep Learning
- Chống nước và bụi (IP67) và chống va đập (IK10)

## · Thông số kỹ thuật

Camera	
Cảm biến	[Kênh toàn cảnh] 1/1.8" CMOS quét liên tục, [Kênh PTZ] 1/1.8" CMOS
Độ nhạy sáng	[PTZ] Màu: 0,0005 Lux @ (F1.3, AGC ON), Đen trắng: 0,0001 Lux @ (F1.3, AGC ON), 0 lux với IR, [Kênh toàn cảnh] Màu: 0,0005 Lux @ (F1.4, AGC ON), Đen trắng: 0,0001 Lux @ (F1.4, AGC ON), 0 Lux với ánh sáng
Tốc độ màn trập	1s đến 1/30000 s
Màn trập chậm	Có
Ngày & Đêm	[Kênh toàn cảnh] Màu sắc, [Kênh PTZ] Bộ lọc cắt hồng ngoại
Zoom	[Kênh PTZ] 42x quang học, 16 x kỹ thuật số
Max. Độ phân giải	[Kênh toàn cảnh] 3632 x 1632, [Kênh PTZ] 2560 x 1440
Lens	
Góc nhìn	[Kênh toàn cảnh] nhìn ngang: 190° ± 5°, nhìn dọc: 80°±5° [Kênh PTZ] nhìn ngang: 59° đến 2°, nhìn dọc: 34,2° đến 11°, nhìn chéo: 67,1° đến 2,3°
Tốc độ Zoom	[Kênh toàn cảnh] Không, [Kênh PTZ] xấp xỉ. 5,6s
Focus	Tự động, bán tự động, thủ công
Độ dài tiêu cự	[Kênh toàn cảnh] 2,8mm, [Kênh PTZ] 6 đến 252mm
Khẩu độ	[Kênh toàn cảnh] F1.0, [Kênh PTZ] F1.3
Đèn chiếu sáng	
Phạm vi ánh sáng	[Kênh toàn cảnh] ánh sáng trắng: tối đa 30 m, [Kênh PTZ] IR: tối đa 300 m
Ánh sáng thông minh	Có
PTZ	
Phạm vi di chuyển (Pan)	~ 360°
Phạm vi di chuyển (Tilt)	[Kênh toàn cảnh] 12° đến 24°, [Kênh PTZ] -20° đến 90°
Tốc độ quay	[Kênh PTZ] tốc độ quét: có thể định cấu hình từ 0,1° đến 160°/s, tốc độ đặt trước: 240°/s
Tốc độ quét	[Kênh PTZ] tốc độ nghiêng: có thể định cấu hình từ 0,1° đến 120°/s, tốc độ đặt trước 200°/s, tốc độ nghiêng [Kênh toàn cảnh] có thể định cấu hình
Tỉ lệ quay	[Kênh toàn cảnh] Không, [Kênh PTZ] Có
Presets	300 điểm
Patrol	8 patrol, tối đa 32 cài đặt trước cho mỗi patrol
Pattent	4 pattent, ghi thời gian hơn 10 phút cho mỗi lần quét
Bộ nhớ tắt nguồn	Có
Park Action	Đặt trước, quét màu, quét tuần tra, quét tự động, quét nghiêng, quét ngẫu nhiên, quét khung, toàn cảnh quét
Vị trí 3D	Có
Hiển thị trạng thái PTZ	Có
Đóng băng cài sẵn	Có
Nhiệm vụ theo lịch trình	Đặt trước, quét màu, quét tuần tra, quét tự động, quét nghiêng, quét ngẫu nhiên, quét khung, toàn cảnh quét, khởi động lại mái vòm, điều chỉnh mái vòm, đầu ra aux

Video	
Luồng chính:	[PTZ channel] 50 Hz: 25 fps (2560 × 1440, 1920 × 1080, 1280 × 960, 1280 × 720), 60 Hz: 30 fps (2560 × 1440, 1920 × 1080, 1280 × 960, 1280 × 720), [Panoramic channel] 50 Hz: 25 fps (3680 × 1656, 3632 × 1632), 60 Hz: 30 fps (3680 × 1656, 3632 × 1632)
Luồng phụ	[PTZ channel] 50 Hz: 25 fps (704 × 576, 640 × 480, 352 × 288), 60 Hz: 30 fps (704 × 576, 640 × 480, 352 × 288), [Panoramic channel] 50 Hz: 25 fps (1200 × 536, 960 × 432), 60 Hz: 30 fps (1200 × 536, 960 × 432)
Luồng thứ ba	[PTZ channel] 50 Hz: 25 fps (1920 × 1080, 1280 × 960, 1280 × 720, 704 × 576, 640 × 480, 352 × 288), 60 Hz: 30 fps (1920 × 1080, 1280 × 960, 1280 × 720, 704 × 480, 640 × 480, 352 × 240), [Panoramic channel] Không
Nén Video	Main stream: H.265+/H.265/H.264+/H.264, Sub-stream: H.265/H.264/MJPEG, Third stream: H.265/H.264/MJPEG
Tốc độ bit video	32 Kbps to 16 Mbps
H.264 Type	Cấu hình cơ bản, Cấu hình chính, Cấu hình cao
H.265 Type	Cấu hình chính
Mã hóa có thể mở rộng (SVC)	H.264 and H.265 encoding
Khu vực quan tâm (ROI)	8 vùng cố định cho mỗi luồng
Audio	
Nén âm thanh	G.711, G.722.1, G.726, MP2L2, PCM, AAC-LC
Tốc độ âm thanh	32 to 192 Kbps (MP2L2), 16 to 64 Kbps (AAC-LC)
Tỷ lệ lấy mẫu âm thanh	8 kHz, 16 kHz, 32 kHz, 48 kHz
Lọc tiếng ồn môi trường	Có
Network	
API	ISAPI, SDK, ISUP, ONVIF
Lưu trữ mạng	NAS (NFS, SMB/CIFS), bổ sung mạng tự động (ANR)
Protocols	IPv4/IPv6, HTTP, HTTPS, 802.1X, QoS, SMTP, UPnP, SNMP, DNS, DDNS, NTP, RTSP, RTCP, RTP, TCP/IP, UDP, IGMP, ICMP, DHCP, PPPoE, Bonjour, FTP
Xem trực tiếp đồng thời	Lên đến 20 kênh
User/Host	Lên đến 32 người dùng. 3 cấp độ người dùng: admin, người điều hành và người dùng
Bảo mật	Bảo vệ bằng mật khẩu, mật khẩu phức tạp, bộ lọc địa chỉ IP, mã hóa HTTPS, xác thực 802.1X (EAP-TLS, EAP-LEAP, EAP-MD5), xác thực máy chủ (MAC), hình mờ
Khách hàng	iVMS-4200, HikCentral Pro, Hik-Connect
Giao diện web	IE 10+, Chrome 57+, Firefox 52+, Safari 12+
Hình ảnh	
Dải động rộng (WDR)	[Kênh toàn cảnh] 120 dB, [Kênh PTZ] 120 dB
Công tắc ngày/đêm	Ngày, đêm, tự động, lịch trình
Nâng cao hình ảnh	HLC, 3D DNR
Mặt nạ riêng tư	[Kênh toàn cảnh] 8 mặt nạ bảo mật đa giác có thể lập trình, [Kênh PTZ] 24 mặt nạ bảo mật đa giác có thể lập trình; màu mặt nạ hoặc cấu hình khảm
Khử sương mù	Chống sương mù quang học
Chế độ chống rung ảnh	EIS (Con quay hồi chuyển tích hợp để cải thiện hiệu suất EIS)
Tiếp xúc khu vực	Có

Tập trung khu vực	[Panoramic channel] Không, [PTZ channel] Có
Cài đặt hình ảnh	Độ bão hòa, độ sáng, độ tương phản, độ sắc nét, độ khuếch đại và cân bằng trắng có thể điều chỉnh bằng phần mềm máy khách hoặc trình duyệt web
Chuyển đổi thông số hình ảnh	Có
SNR	≥ 52 dB
<b>Phát hiện bổ sung</b>	
Định vị vệ tinh	Không
Con quay hồi chuyển	Có
La bàn	Không
<b>Interface</b>	
Giao diện Ethernet	1 cổng Ethernet tự thích ứng RJ45 100M
Lưu trữ	Tích hợp khe cắm thẻ, hỗ trợ thẻ microSD/microSDHC/microSDXC, tối đa 256 GB
Báo động	7 đầu vào(s), 2 đầu ra(s)
Audio	1 đầu vào, biên độ đầu vào tối đa: 2-2,4 vpp, trở kháng đầu vào: 1 KΩ ± 10%, 1 đầu ra, trở kháng đầu ra: 600 Ω
RS-485	1 RS-485 (Song công một nửa, HIKVISION, Pelco-P, Pelco-D, tự điều chỉnh)
Nút reset	Có
<b>Sự kiện</b>	
Sự kiện cơ bản	[Kênh PTZ & kênh toàn cảnh] đầu vào và đầu ra cảnh báo, ngoại lệ [kênh PTZ] phát hiện chuyển động, báo động giả mạo video
Sự kiện thông minh	Kênh toàn cảnh] phát hiện cắt ngang, phát hiện xâm nhập, phát hiện vào khu vực, phát hiện ra khỏi khu vực, phát hiện cắt ngang [kênh PTZ], phát hiện xâm nhập, phát hiện vào khu vực, phát hiện ra khỏi khu vực
Liên kết	[Kênh toàn cảnh] Tải lên FTP/NAS/thẻ nhớ, thông báo cho trung tâm giám sát, gửi email, kích hoạt đầu ra cảnh báo, kích hoạt ghi, cảnh báo âm thanh, đèn nhấp nháy, [Kênh PTZ] Tải lên FTP/NAS/thẻ nhớ, thông báo cho trung tâm giám sát, gửi email, kích hoạt đầu ra cảnh báo, ghi âm kích hoạt và các hành động PTZ (chẳng hạn như cài đặt trước, quét tuần tra, quét màu)
Theo dõi thông minh	[PTZ channel] Có
Liên kết thông minh	Theo dõi thủ công, theo dõi liên tục, liên kết chụp theo dõi
<b>Chức năng Deep Learning</b>	
Phát hiện nhiều loại mục tiêu	[Kênh PTZ] Hỗ trợ phát hiện và chụp đồng thời khuôn mặt và cơ thể người
Bảo vệ chu vi	Kênh PTZ và Toàn cảnh đều hỗ trợ
<b>Tính năng chung</b>	
Chức năng chung	Lật hình, mặt khẩu bảo vệ
Nguồn	36VDC ± 25%, max. 60W, Hi-PoE, tối đa 6W cho heater và tối đa 3W cho ánh sáng bổ sung với kênh toàn cảnh Tối đa 6W cho heater và tối đa 12W cho ánh sáng bổ sung của kênh PTZ
Điều kiện hoạt động	-40°C đến 70°C (-40°F đến 158°F). Độ ẩm từ 95% trở xuống (không ngưng tụ) Loa: -30°C đến 55°C (-22°F đến 131°F)
Cần gạt	Có
Sương mù	Có
Vật liệu	ADC12
Kích thước	Ø290 mm × 453.2 mm (Ø11.42" × 17.84")
Cân nặng	Khoảng 10.5 kg (23.15 lb.)

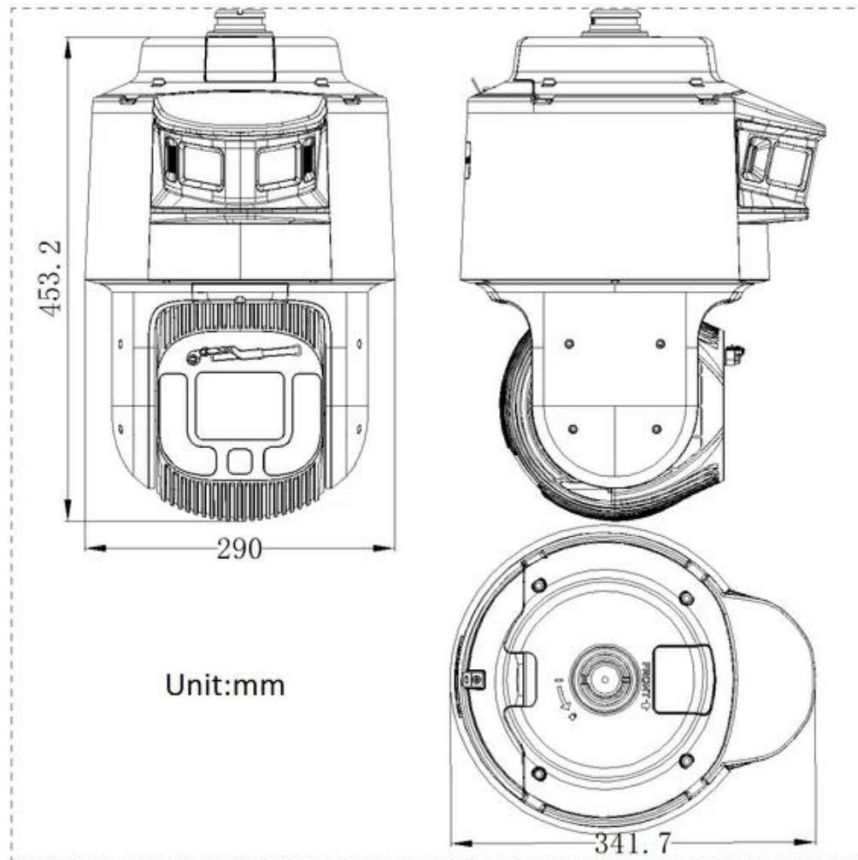
Ngôn ngữ	33 ngôn ngữ: English, Russian, Estonian, Bulgarian, Hungarian, Greek, German, Italian, Czech, Slovak, French, Polish, Dutch, Portuguese, Spanish, Romanian, Danish, Swedish, Norwegian, Finnish, Croatian, Slovenian, Serbian, Turkish, Korean, Traditional Chinese, Thai, Vietnamese, Japanese, Latvian, Lithuanian, Portuguese (Brazil), Ukrainian
<b>Chứng nhận</b>	
EMC	FCC (47 CFR Part 15, Subpart B), CE-EMC (EN 55032: 2015, EN 61000-3-2: 2019, EN 61000-3-3: 2013 + A1: 2019, EN 50130-4: 2011 + A1: 2014), RCM (AS/NZS CISPR 32: 2015), IC (ICES-003: Issue 7), KC (KN 32: 2015, KN 35: 2015)
An toàn	UL (UL 62368-1), CB (IEC 62368-1: 2014 + A11), CE-LVD (EN 62368-1: 2014/A11: 2017), BIS (IS 13252 (Part 1): 2010/IEC 60950-1: 2005), LOA (IEC/EN 60950-1)
Môi trường	CE-RoHS (2011/65/EU), WEEE (2012/19/EU), Reach (Regulation (EC) No 1907/2006)
Bảo vệ	IP67 (IEC 60529-2013), TVS 6000 V chống sét, chống sét lan truyền và điện áp bảo vệ tạm thời, IK10 (IEC 62262:2002)

■ **DORI:** Khoảng cách DORI (phát hiện, quan sát, nhận dạng, xác định) đưa ra ý tưởng chung về khả năng phân biệt của máy ảnh về người hoặc vật thể trong phạm vi quan sát của nó. Nó được tính toán dựa trên thông số kỹ thuật của cảm biến máy ảnh và các tiêu chí đưa ra theo EN 62676-4: 2015




DORI	Phát hiện	Quan sát	Nhận biết	Nhận diện
Thông số	25 px/m	63 px/m	125 px/m	250 px/m
[Bullet channel] Khoảng cách	77.0m	30.5m	15.4m	7.7m
[PTZ channel] Khoảng cách (Tele)	2965.5m	1176.8m	593.1m	296.6m

## ■ Model

DS-2SGT6426MGT-EBLW



. Phụ kiện tùy chọn

DS-1603ZJ-P	DS-1661ZJ-P	DS-1603ZJ-Pole-P
		

**Headquarters**

No.555 Qianmo Road, Binjiang District,  
Hangzhou 310051, China  
T +86-571-8807-5998  
www.hikvision.com



Follow us on social media to get the latest product and solution information.

